TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2022
V/v: Tranh chấp HN&GĐ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Bà Lương Thị Diện

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2021 về tranh chấp "Hôn nhân và Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị P, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1987

Địa chỉ: Bản Thành Yên, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Ngân Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Bản Thành Tân, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2021; Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai; Biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngân Văn T đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/4/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Chị và anh Ngân Văn T đã sống ly thân, không ai quan tâm ai và hiện tại chị không có thai nghén với anh Ngân Văn T. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Nên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Đối với giấy Đăng ký kết hôn, thể hiện chị sinh ngày 02/4/1985 thì chị cho rằng: Khi đăng ký kết thì chị mới 16 tuổi 15 ngày nên đã được cán bộ Tư pháp hướng dẫn cho chị khai tăng tuổi để đăng ký kết hôn, một phần do chị cũng không hiểu biết, hạn chế về pháp luật, không có giấy khai sinh, không có chứng minh nhân dân, nên Cán bộ tư pháp hướng dẫn điều chỉnh năm sinh và ghi vào giấy Đăng ký kết hôn cho chị sinh ngày 02/4/1985 để đủ tuổi đăng ký kết hôn thì chị đồng ý như vậy. Còn thực tế thì chị sinh ngày 02/4/1987 như Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu hiện nay chị đang sử dụng. Về việc này thì cho rằng, một phần do phong tục tập quán của địa phương, đặc biệt là phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nay chị được phổ biến về pháp luật, chị nhận biết được và không có ý kiến gì.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Ngân Văn T có 02 con chung, tên các cháu là: Ngân Thị Thu H, sinh ngày 25/02/2005 và cháu Ngân Văn T, sinh ngày 11/3/2008, hiện các cháu đang ở với bố; Chị và anh Ngân Văn T đã thỏa thuận và thống nhất: Đó là giao các cháu Ngân Thị Thu H cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao cháu Ngân Văn T cho anh Ngân Văn T là trực tiếp người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh T đã thỏa thuận và thống nhất, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu án phí theo quy định.

Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, anh Ngân Văn Tuất trình bày:

Về Hôn nhân: Anh đã được nhận và nghe công khai đơn khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, anh đồng ý với nội dung mà nguyên đơn đã trình bày. Anh và chị chung sống trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Thời gian đầu thì hạnh phúc, nhưng sau dần thì tình cảm vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý với ý kiến của chị Đinh Thị P về hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Đối với việc Đăng ký kết hôn khi chị Đinh Thị P chưa đủ tuổi thì đúng như nguyên đơn đã tình bày, anh không có ý kiến gì khác.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung như nguyên đơn đã trình bày. Anh tôn trọng nguyện vọng của các con, nên vợ chồng đã thỏa thuận đó là: cháu Ngân Thị Thu H ở với mẹ và cháu Ngân Văn T sẽ ở với anh.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, thì việc chị Đinh Thị P có đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2003 tại UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa là đúng sự thật. Tại Công văn số 01/XN-UBND ngày 06/01/2022 của UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, thì: Theo hồ sơ lưu trữ về đăng ký kết hôn ghi chị Đinh Thị P, sinh ngày 02/4/1985, do ông Lương Văn T, chúc vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Thành Sơn tại thời điểm đó ký hồ sơ, quá trình xác minh các giấy tờ tùy thân của công dân Đinh Thị P sau này đều thể hiện là ngày

02/4/1987. Các giấy tờ tùy thân hiện tại của công dân Đinh Thị P và thông tin công dân Đinh Thị P ghi trên giấy Đăng ký kết hôn đều là một người. Còn nội dung lý do tại sao công dân Đinh Thị P khi đăng ký kết hôn thể hiện ngày 02/4/1985 thì như công dân Đinh Thị P đã trình bày ý kiến tại Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy: Vợ chồng chị P và anh T chung sống và đăng ký kết hôn năm ngày 17/4/2003 nhưng khi đối chiếu thông tin ngày tháng năm sinh trên giấy đăng ký kết hôn là ngày 02/4/1985) với Sổ hộ khẩu, Căn cước công dân (ngày 02/4/1987) của chị Đinh Thị P thì thời điểm đăng ký kết hôn của chị P không hợp pháp do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn; Quá trình chung sống thì anh chị đã hạnh phúc, có con chung. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, dẫn đến bất đồng quan điểm, nên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh chị đã sống ly thân, việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận; hiện tại anh chị thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn; Qua nghiên cứu hồ sơ và trình bày của các đương sự thì việc anh chị đã chấp hành đăng ký kết hôn, nhưng do nhận thức về pháp luật còn hạn chế, ảnh hưởng bởi phong tục tập quán lạc hậu, đồng thời cán bộ Tư pháp thời gian này chưa làm hết trách nhiệm đúng theo quy định của pháp luật. Đối với giấy đăng ký kết hôn của UBND xã Thành Sơn cấp cho chị Đinh Thị P và anh Ngân Văn T không còn giá trị pháp lý, vì khi đăng ký kết hôn chị P không đủ điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000. Nay, anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn. Nên, đề nghị HĐXX căn cứ; Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp giải quyết cho chị Đinh Thị P ly hôn với anh Ngân Văn T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị P và anh Ngân Văn T có 02 con chung, tên các cháu là: Ngân Thị Thu H, sinh ngày 25/02/2005 và cháu Ngân Văn T, sinh ngày 11/3/2008, hiện các cháu đang ở với bố; Quá trình giải quyết vụ án thì cháu Ngân Thị Thu H có nguyện cọng muốn ở với mẹ, cháu Ngân Văn T có nguyện vọng muốn được ở với bố, Chị P và anh T đã thỏa thuận và thống nhất theo nguyện vọng của các con.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toán bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị P.

Về Hôn nhân: Cho chị Đinh Thị P ly hôn với anh Ngân Văn T.

Về con chung: Giao các cháu Ngân Thị Thu H, sinh ngày 25/02/2005 cho chị Đinh Thị P là người trực tiếp nuoi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Ngân Văn T,

sinh ngày 11/3/2008, cho anh Ngân Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Vè cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, không xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị P tự nguyện nộp 300.000[đ] án phí HNGĐ.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Đề nghị khác: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Ngân Văn T đang có hộ khẩu thường trú tại: Bản Thành Tân, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa hôn nay, chị Đinh Thị P và anh Ngân Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp "Hôn nhân và Gia đình". Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Đinh Thị P là nguyên đơn; anh Ngân Văn T là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự, biên bản xác định mâu thuẫn, biên bản xác minh khác, thì: Chị P và anh T chung sống với nhau từ năm 2003 trên nguyên tắc tự nguyện, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc. Ngày 17/4/2003 chị P, anh Tuất đến UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa để đăng ký kết hôn, lúc này anh chị được cán bộ Tư pháp xã hướng dẫn cho điều chỉnh ngày tháng năm sinh của chị Đinh Thị P từ ngày 02/4/1987 thành ngày 02/4/1985 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Qua xác minh thì tài liệu thu thập tài liệu được là Sổ hộ khẩu gia đình, Chứng minh thư nhân dân, giấy xác nhận năm sinh của chị Đinh Thị P thì ngày tháng năm sinh thực tế của chị là ngày 02/4/1987. Như vậy, đối chiếu ngày sinh trên Chứng minh thư nhân dân, Sổ hộ khẩu, thì tại thời điểm kết hôn (17/4/2003), chị Đinh Thị P không đủ điều kiện kết hôn, nhưng sau đó chị P và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, hai bên đã đủ tuổi kết hôn, trong thời gian chung sống đã có con chung, thì không quyết định huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Sau đó mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn thì Toà án thụ lý vụ án để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã sống ly thân, hiện tại mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị P và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh T không thể hàn gắn và anh chị đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Vì vậy, căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm d1 Điều 2 Nghị quyết số

02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp. HĐXX cho chị Đinh Thị P ly hôn với anh Ngân Văn T.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh T có 02 con chung tên các cháu là: Ngân Thị Thu H và cháu Ngân Văn Tân, hiện các cháu đang ở với bố; Chị P và anh T đã thỏa thuận và thống nhất theo nguyện vọng của các cháu, giao cháu là Ngân Thị Thu H cho chị Đinh Thị P là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Ngân Văn T cho anh Ngân Văn T là người nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Nên HĐXX không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Kiến nghị: Đối với Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/4/2003 của UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa (Cấp khi chị Đinh Thị P mới 16 tuổi 00 tháng 15 ngày) không có giá trị pháp lý do chị P không đủ điều kiện kết hôn; Đề nghị UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa có biện pháp xử lý trách nhiệm đối với cá nhân liên quan trong việc cấp Giấy chứng nhận kết hôn này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9,Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 88, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm d1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ cầu khởi kiện của chị Đinh Thị P.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Đinh Thị P ly hôn với anh Ngân Văn T.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu là Ngân Thị Thu H, sinh ngày 25/02/2005 cho chi Đinh Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu Ngân Văn T, sinh ngày 11/3/2008 cho anh Ngân Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Chị P và anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đinh Thị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0012715 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai; Vắng mặt Nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa;
- UBND xã Thành sơn, huyện Quan Hóa;
- Nguyên đơn Đinh Thị P;
- Bị đơn Ngân Văn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng